

2. Tiêu chuẩn kỹ thuật và quy mô đầu tư xây dựng:

a) Về đường:

- Đường cấp V đồng bằng, tiêu chuẩn TCVN 4054-98. Đối với các đoạn tuyến dự án qua khu đô thị, khu dân cư được xác định phù hợp yêu cầu quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Về cầu cống: Bê tông cốt thép vĩnh cửu.

- Tải trọng thiết kế: H30-XB80.
- Khổ cầu: Rộng bằng khổ nền đường.

3. Vốn đầu tư và nguồn vốn:

- Tổng mức đầu tư: 499,834 tỷ đồng.

Bao gồm:

- + Xây lắp: 406,365 tỷ đồng.
- + Đền bù, giải phóng mặt bằng: 17,537 tỷ đồng.
- + Chi phí khác: 30,439 tỷ đồng.
- + Dự phòng: 45,439 tỷ đồng.
- Nguồn vốn:

Gồm vốn ngân sách của tỉnh Vĩnh Long, vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và các nguồn vốn khác. Mức hỗ trợ cụ thể hàng năm của ngân sách trung ương căn cứ vào khả năng cân đối thực tế của ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, tổng số vốn ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 40% tổng mức đầu tư.

4. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện chủ đầu tư: do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định.
- Tổ chức đấu thầu theo quy định của quy chế hiện hành.
- Tiến độ thực hiện: Năm 2003 - 2008.

Điều 2.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có trách nhiệm:

- Căn cứ quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng, ý kiến của các Bộ: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài

nguyên và Môi trường về thiết kế xây dựng các hạng mục công trình liên quan, xem xét, quyết định và chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo của dự án.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan để giải quyết nguồn vốn thực hiện dự án và xây dựng cơ chế huy động nguồn vốn đầu tư theo quy định.

- Có báo cáo kế hoạch cân đối vốn hàng năm cho dự án.

- Xử lý các vấn đề có liên quan đến quy hoạch chi tiết trong phạm vi khu vực dự án.

- Xét duyệt và chỉ đạo thực hiện phương án giải phóng mặt bằng và di dân, tái định cư đáp ứng tiến độ dự án.

- Thực hiện nhiệm vụ giám định đầu tư theo quy định đối với dự án.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 188/2002/QĐ-TTg ngày 31/12/2002 về việc phê duyệt Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX về khoa học và công nghệ.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2002/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX về khoa học và công nghệ.

Điều 2. Giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHAI

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG của Chính phủ thực hiện Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX về khoa học và công nghệ

(ban hành kèm theo Quyết định số 188/2002/QĐ-TTg ngày 31/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ).

A. MỤC TIÊU

Triển khai thực hiện Kết luận của Hội nghị

lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX về khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2010 nhằm: giải đáp kịp thời những vấn đề lý luận và thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng; đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân; chú trọng chuyển giao kỹ thuật tiến bộ và thành tựu khoa học và công nghệ cho nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; xây dựng và phát triển có trọng điểm một số hướng công nghệ cao và một số ngành công nghiệp công nghệ cao; đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý, nâng cao trình độ quản lý khoa học và công nghệ, tạo động lực phát huy mạnh mẽ năng lực nội sinh, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

B. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU

I. ĐỔI MỚI QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng phân công, phân cấp từ Trung ương đến địa phương.

2. Rà soát lại và ban hành mới các cơ chế, chính sách về kinh tế và tài chính nhằm tạo động lực để khuyến khích mạnh mẽ các hoạt động sáng tạo khoa học và công nghệ; có chính sách thúc đẩy nhanh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào hoạt động kinh tế - xã hội.

3. Xây dựng Quy chế dân chủ nhằm mở rộng dân chủ, phát huy tự do sáng tạo để khai thác mọi tiềm năng trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận. Tăng cường quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo luật pháp nhằm bảo đảm việc thực hiện tốt Quy chế dân chủ đi đôi với tăng cường trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu các tổ chức khoa học và công nghệ.

4. Tiếp tục thực hiện việc đổi mới tổ chức và

quản lý các tổ chức khoa học và công nghệ, theo hướng:

- Tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ.

- Các Bộ không trực tiếp quản lý các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ không phục vụ quản lý nhà nước.

- Từng bước chuyển các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang cơ chế tự trang trải kinh phí được hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp; phát triển nhanh doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

5. Đổi mới cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ, các chính sách thuế, tín dụng để khuyến khích các hoạt động sáng tạo khoa học và công nghệ và hỗ trợ ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ được tạo ra trong nước.

6. Thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

7. Xây dựng cơ chế liên kết giữa đào tạo - nghiên cứu - sản xuất kinh doanh; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học giữa các trường đại học và các viện nghiên cứu, các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ khác; tăng mức đầu tư cho nghiên cứu khoa học trong các trường đại học.

8. Xây dựng cơ chế, chính sách đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ; thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cho phát triển khoa học và công nghệ, nhằm đưa tổng mức đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ đạt 1% GDP vào năm 2005 và 1,5% GDP vào năm 2010; bảo đảm tốc độ tăng chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước hàng năm cao hơn tốc độ chi ngân sách nhà nước. Nhà nước đầu tư, bảo đảm kinh phí hoạt động cho các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu lý luận khoa học xã hội và nhân văn, quốc phòng, an ninh và những nhiệm vụ trọng điểm khác theo yêu cầu của Đảng và Nhà nước.

II. TẠO LẬP VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Hoàn thiện và xây dựng mới các cơ chế, chính sách để hỗ trợ và thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ; thúc đẩy các doanh nghiệp nghiên cứu khoa học và thường xuyên đổi mới công nghệ.

2. Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

3. Hình thành các tổ chức quản lý và hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ (tư vấn, môi giới, dịch vụ chuyển giao công nghệ).

III. PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch chung về đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ; chú trọng đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, gửi cán bộ khoa học và công nghệ đi đào tạo tại các nước có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến.

2. Xây dựng chính sách sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ, trọng dụng nhân tài.

3. Xây dựng Nghị định về thống kê khoa học và công nghệ và đề án tổ chức hệ thống thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, các thư viện điện tử.

4. Xây dựng các biện pháp phát triển hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ; các chính sách thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho phát triển khoa học và công nghệ; các chính sách thu hút trí thức Việt Nam ở nước ngoài và trí thức nước ngoài tham gia phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam.

5. Xây dựng cơ chế, chính sách và Quy chế Quản lý khu công nghệ cao. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và đưa vào sử dụng hai khu công nghệ cao Hòa Lạc và thành phố Hồ Chí Minh.

6. Xây dựng Quy chế Quản lý và cơ chế, chính sách đối với các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

IV. TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG ĐIỂM

1. Đẩy mạnh nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; tổng kết thực tiễn, xây dựng luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật tiến bộ và thành tựu khoa học và công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn:

a) Rà soát, xây dựng cơ chế lồng ghép, gắn kết các chương trình kinh tế - xã hội với các chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn;

b) Xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ cho phát triển nông thôn, trong đó tập trung vào các chương trình ứng dụng công nghệ giống, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản; phát triển các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.

c) Xây dựng chính sách thu hút cán bộ khoa học công nghệ về công tác tại vùng nông thôn.

3. Xây dựng cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển công nghệ cao (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, cơ khí điện tử và tự động hóa) và phát triển có trọng điểm một số ngành công nghiệp công nghệ cao. Phát triển các công nghệ thích hợp và đẩy mạnh chuyển giao công nghệ đối với các ngành công nghiệp chủ lực nhằm nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của sản phẩm.

C. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

I. CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN

Bộ Văn hóa - Thông tin tiếp tục phối hợp với

các Bộ, ngành, các địa phương triển khai tuyên truyền, quán triệt Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu Khóa IX về khoa học và công nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến việc ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất và đời sống, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

II. TRIỂN KHAI VÀ THEO DÕI THỰC HIỆN

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào Chương trình hành động này của Chính phủ (kèm theo danh mục các nhiệm vụ quy định tại chương trình hành động):

- Cụ thể hóa thành chương trình hành động thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu Khóa IX của cơ quan, địa phương mình;

- Phối hợp với các cấp, các ngành tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ;

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện chương trình hành động thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách, kịp thời tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm để có giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện;

- Định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp tình hình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ QUY ĐỊNH TẠI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN KẾT LUẬN CỦA
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(ban hành kèm theo Quyết định số 188/2002/QĐ-TTg ngày 31/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ).

Thứ tự	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình Thủ tướng Chính phủ	Hình thức văn bản/công việc
I	Đổi mới quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ				
1	Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng phân công, phân cấp từ Trung ương đến địa phương.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành liên quan, các địa phương	Quý IV năm 2003	Đề án
2	Rà soát lại và ban hành mới các cơ chế, chính sách về kinh tế và tài chính nhằm tạo động lực để cho khoa học và công nghệ phát triển.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành liên quan	- Rà soát văn bản: Quý II năm 2003 - Ban hành mới: 2004	Đề án
3	Xây dựng Quy chế Dân chủ nhằm mở rộng dân chủ, phát huy tự do sáng tạo để khai thác mọi tiềm năng trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận; đồng thời tăng cường quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo Luật Khoa học và công nghệ.	Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia	Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia, Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ	Quý IV năm 2003	Nghị định
4	Đề án đổi mới tổ chức và quản lý các tổ chức khoa học và công nghệ.	Bộ khoa học và Công nghệ	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính	Quý I năm 2004	Đề án
5	Xây dựng cơ chế tài chính để thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ; đổi mới các chính sách thuế, tín dụng để khuyến khích các hoạt động sáng tạo khoa học và công nghệ; xây dựng chính sách bảo trợ ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ được tạo ra trong nước.	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cơ chế tài chính: Quý IV năm 2003, Chính sách thuế, tín dụng: Quý IV năm 2004	Đề án

6	Thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Quý IV năm 2003	Nghị định
7	Xây dựng cơ chế liên kết giữa đào tạo - nghiên cứu - sản xuất kinh doanh; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học giữa các trường đại học và các viện nghiên cứu, các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ khác; đảm bảo kinh phí cho nghiên cứu cơ bản và tăng mức đầu tư cho nghiên cứu trong các trường đại học.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Quý IV năm 2003	Đề án
8	Xây dựng cơ chế, chính sách đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ; thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư nước ngoài cho phát triển khoa học và công nghệ.	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ	Quý II năm 2004	Đề án
II Tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ					
1	Hoàn thiện và xây dựng mới các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Quý II năm 2004	Đề án
2	Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Thương mại	Quý II năm 2004	Đề án
3	Hình thành các tổ chức quản lý và hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nội vụ	Quý II năm 2004	Đề án
4	Phát triển các tổ chức tư vấn, môi giới, dịch vụ chuyển giao công nghệ.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nội vụ	Quý II năm 2004	Đề án
III Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ					
1	Xây dựng quy hoạch, kế hoạch chung về đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ; chú trọng đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, gửi cán bộ khoa học và công nghệ đi đào tạo tại các nước có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Quý III năm 2003	Đề án

2	Xây dựng chính sách sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ, trọng dụng nhân tài, cán bộ khoa học và công nghệ về công tác tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính	Quý IV năm 2003	Đề án
3	Xây dựng Nghị định về thống kê khoa học và công nghệ và đề án tổ chức hệ thống thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, các thư viện điện tử.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tổng cục Thống kê	Quý IV năm 2004	Nghị định
4	Xây dựng các biện pháp phát triển hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ; các chính sách thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho phát triển khoa học và công nghệ; các chính sách thu hút trí thức Việt Nam ở nước ngoài và trí thức nước ngoài phục vụ phát triển khoa học và công nghệ.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành liên quan	Quý IV năm 2003	Đề án
5	Xây dựng cơ chế, chính sách và Quy chế Quản lý đối với khu công nghệ cao. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và đưa vào sử dụng hai khu công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hồ Chí Minh.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính	Quý II năm 2003	Đề án
6.	Xây dựng Quy chế Quản lý và cơ chế, chính sách đối với các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính	Quý II năm 2003	Đề án
IV Tập trung chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm					
1	Đẩy mạnh nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học xã hội; tổng kết thực tiễn, xây dựng luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.	Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quý II năm 2003	Đề án

2	<p>Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật tiến bộ và thành tựu khoa học và công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn:</p> <p>a) Xây dựng cơ chế lồng ghép, gắn kết các chương trình kinh tế - xã hội với các chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn;</p> <p>b) Xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ cho nông thôn, trong đó tập trung vào các chương trình ứng dụng công nghệ giống, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản; phát triển các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.</p>	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thủy sản	Quý IV năm 2003	Đề án
3	<p>Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các hướng công nghệ cao (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, cơ khí điện tử và tự động hóa) và phát triển có trọng điểm một số ngành công nghiệp công nghệ cao. Phát triển các công nghệ thích hợp và đẩy mạnh chuyển giao công nghệ đối với các ngành công nghiệp chủ lực nhằm nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của sản phẩm.</p>	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Bưu chính, Viễn thông, Bộ Y tế	Quý I năm 2004	Đề án